

Tiết 37. THỰC HÀNH TIẾNG VIỆT

I. Tìm hiểu tri thức tiếng Việt

1. Lựa chọn từ ngữ

* Ví dụ

- “lờ đờ”, “dềnh dàng”, “chầm chậm”, “lừ đừ”: đều là 4 từ láy chỉ sự chuyển động rất chậm của dòng nước

- Chọn từ “lờ đờ” vì kết hợp hài hòa thanh điệu, vần trong câu thơ (B-T-B; đờ- bờ)

* Kết luận

- Để thể hiện hiệu quả nội dung văn bản, cần phải lựa chọn từ ngữ cho phù hợp

- Cách lựa chọn từ ngữ thích hợp:

+ Xác định nội dung cần diễn đạt

+ Huy động các từ đồng nghĩa, gần nghĩa; từ đó chọn từ ngữ có khả năng diễn đạt chính xác nhất

- Chú ý khả năng kết hợp hài hòa giữa từ ngữ được lựa chọn với từ ngữ đứng trước hoặc sau trong câu.

2. Một số biện pháp tu từ

a. So sánh

* Ví dụ

Ví dụ a: So sánh: “non xanh nước biếc” và “tranh họa đồ”; từ so sánh “như” -> nhấn mạnh sự tươi đẹp của thiên nhiên xứ Nghệ

* Kết luận

So sánh là đối chiếu sự vật này với sự vật khác trên cơ sở có nét tương đồng, làm tăng sức gợi hình gợi cảm cho sự diễn đạt

b. Điệp từ

* Ví dụ

Ví dụ b: điệp từ “ta”-> nhấn mạnh niềm tự hào về cảnh sắc quê hương

* Kết luận

Điệp từ là biện pháp tu từ chỉ việc lặp lại nhiều lần một từ nhằm nhấn mạnh biểu đạt, cảm xúc làm tăng sức gợi hình, gợi cảm trong câu

II. Luyện tập.

1. Bài 1

- “phồn hoa”: cảnh sống giàu có, xa hoa

- “phồn vinh”: miêu tả đất nước ở vào giai đoạn giàu có, thịnh vượng.

=> câu thơ này chỉ cảnh buôn bán tấp nập, giàu có của mảnh đất kinh thành xưa nên dùng từ “phồn hoa” là thích hợp nhất.

b. So sánh: phố – mắc cửi, đường – bàn cơ => Tác dụng: tính chất sầm uất, đông vui của phố thị.

c. “ngẩn ngơ”: trạng thái bị cuốn hút đến ngơ ngàng của tác giả trước vẻ xa hoa, sầm uất của phố phường.

d. “bút hoa”: tài năng xuất sắc của người làm nên bài thơ

=> sử dụng từ này có ý nghĩa và hay hơn so với từ “bút đây”.

2. Bài 2

a. Điệp từ “sẵn” => có nhiều đến mức cần bao nhiêu cũng có thể có ngay bấy nhiêu.

=> Phù hợp với nội dung bài ca dao: thể hiện, về sản vật mà thiên nhiên vùng Thập Mười đã hào phóng ban tặng cho con người

b. Biện pháp tu từ: điệp từ “sẵn”

=> nhằm nhấn mạnh tính chất trù phú, giàu có của thiên nhiên Thập Mười.

3. Bài tập 3

1-e

2-g

3-h

4-k

5-i

6-a

7-b

8-c

9-đ

10-d

Tiết 38.

VIẾT

LÀM MỘT BÀI THƠ LỤC BÁT

1. Tìm hiểu tri thức về kiểu văn bản

- Về nội dung: Một bài thơ lục bát có nội dung hay là nội dung đó thể hiện được một cách nhìn, cách cảm nhận mới lạ, sâu sắc, thú vị về cuộc sống.

- Về hình thức:

+ Ngôn ngữ: Hàm súc, gợi hình, gợi cảm.

+ Sử dụng hài hoà các BPNT như nhân hoá, so sánh, điệp từ, điệp ngữ... tạo những liên tưởng độc đáo, thú vị.

+ Cách gieo vần, nhịp điệu: Theo quy luật của thơ.

2. Hướng dẫn phân tích kiểu văn bản

- Nhịp thơ
- Hiệp vần, phối hợp thanh điệu

3. Viết theo quy trình

a. Xác định đề tài

Viết bài thơ lục bát về đề tài quê hương (tối thiểu một cặp lục bát)

b. Tìm ý tưởng cho bài thơ

c. Làm thơ lục bát

- Học sinh làm thơ
- Hoàn thiện PHT

d. Chỉnh sửa và chia sẻ

- Đọc diễn cảm bài thơ theo đúng giọng điệu.
- Dùng bảng kiểm để kiểm tra và sửa lại bài thơ đảm bảo đúng luật của thể thơ lục bát.

.....
Tiết 39,40.

VIẾT ĐOẠN VĂN GHI LẠI CẢM XÚC VỀ MỘT BÀI THƠ LỤC BÁT

I. Đoạn văn

Đoạn văn là đơn vị trực tiếp tạo nên văn bản với đặc điểm:

- Nội dung: biểu đạt một nội dung tương đối trọn vẹn
 - Hình thức
- + Do nhiều câu tạo thành
- + Mở đầu bằng chữ viết hoa, lùi đầu dòng; kết thúc bằng dấu câu dùng để ngắt đoạn (“.”, “?”, “...”, “!”)

II. Phân tích kiểu văn bản

1. Hình thức

- Đảm bảo yêu cầu về hình thức của đoạn văn.

2. Nội dung

- Trình bày cảm xúc về một bài thơ lục bát: Bài ca dao Công cha như núi Thái Sơn.
 - Sử dụng ngôi thứ nhất để chia sẻ cảm xúc: Xung tôi.
 - Cấu trúc gồm có ba phần:
- + Mở đoạn: Giới thiệu nhan đề, tác giả và cảm xúc chung về bài thơ (câu chủ đề).

+ Thân đoạn: Những từ ngữ, câu văn thể hiện cảm xúc của người viết về bài thơ lục bát; Những từ ngữ trong ngoặc kép là những bằng chứng được trích từ bài ca dao để làm rõ cảm xúc của người viết.

+ Kết đoạn: Khẳng định lại cảm xúc về bài thơ và ý nghĩa của nó đối với bản thân.

=> Yêu cầu đối với đoạn văn ghi lại cảm xúc về một bài thơ lục bát

3. Yêu cầu đối với đoạn văn ghi lại cảm xúc về một bài thơ lục bát:

- Đảm bảo yêu cầu về hình thức của đoạn văn.
- Trình bày cảm xúc về một bài thơ lục bát.
- Sử dụng ngôi thứ nhất để chia sẻ cảm xúc.
- Cấu trúc gồm có ba phần:

Mở đoạn: Giới thiệu nhan đề, tác giả và cảm xúc chung về bài thơ (câu chủ đề).

Thân đoạn: Trình bày cảm xúc của người đọc về nội dung và nghệ thuật của bài thơ. Làm rõ cảm xúc bằng những hình ảnh, từ ngữ được trích từ bài thơ.

Kết đoạn: Khẳng định lại cảm xúc về bài thơ và ý nghĩa của nó đối với bản thân.

III. Hướng dẫn quy trình viết

Bước 1: Chuẩn bị trước khi viết.

* Xác định đề tài:

- Đề bài yêu cầu ghi lại cảm xúc của em về một bài thơ lục bát.
- Độ dài của đoạn văn từ 150 - 200 chữ.

* Thu thập tư liệu: Em có thể tìm và chọn một bài thơ lục bát mà em yêu thích hoặc có cảm xúc đặc biệt để viết. Ví dụ bài ca dao “Công cha như núi Thái Sơn”.

Bước 2: Tìm ý, lập dàn ý

* **Tìm ý:**

- Âm thanh, vần, nhịp điệu của bài thơ và những cảm xúc mà bài thơ đã gợi cho em.
- Ý nghĩa của những từ ngữ, hình ảnh độc đáo, những biện pháp tu từ mà tác giả bài thơ sử dụng.
- Lí giải vì sao em có cảm xúc đặc biệt với bài thơ.

* **Lập dàn ý:**

Bước 3: Viết đoạn.

Dựa vào dàn ý, viết một đoạn văn hoàn chỉnh. Khi viết, cần đảm bảo các yêu cầu đối với đoạn văn ghi lại cảm xúc về một bài thơ lục bát.

Bước 4: Xem lại và chỉnh sửa, rút kinh nghiệm.